

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30.09.2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2012

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh				
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.020.830.744.552	1.199.456.288.196	2.957.542.173.320	3.363.719.852.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.128.979.870	1.611.447.590	16.290.938.780	6.584.155.587
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10	VI.1	1.012.701.764.682	1.197.844.840.606	2.941.251.234.540	3.357.135.696.752
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	931.299.819.042	1.141.064.990.061	2.693.182.186.476	3.113.475.005.756
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.401.945.640	56.779.850.545	248.069.048.064	243.660.690.996
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	236.533.494	2.148.809.077	2.020.283.005	4.092.106.726
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.682.590.878	6.719.836.586	14.945.487.317	38.748.802.140
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.786.262.773	5.405.768.814	14.457.487.166	31.642.145.691
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	57.971.225.595	43.664.933.571	165.330.831.561	157.014.564.651
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.250.938.020	8.560.291.175	27.691.120.069	38.305.299.588
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.733.724.641	(16.401.710)	42.121.892.122	13.684.131.343
11. Thu nhập khác	31	VI.7	925.942.428	627.621.934	1.863.283.581	1.445.035.714
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.785.408	14.923.393	104.878.678	20.757.030
13. Lợi nhuận khác	40		918.157.020	612.698.541	1.758.404.903	1.424.278.684
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.651.881.661	596.296.831	43.880.297.025	15.108.410.027
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.492.142.596	117.512.943	9.431.053.170	564.096.201
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	59.410.229	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	<u>9.159.739.065</u>	<u>478.783.888</u>	<u>34.389.833.626</u>	<u>14.544.313.826</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>483</u>	<u>25</u>	<u>1.812</u>	<u>766</u>



Nguyễn Phương Thảo
Người lập



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		695.462.139.437	767.759.782.649
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	107.966.777.240	103.697.565.833
1. Tiền	111		44.466.777.240	50.697.565.833
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.500.000.000	53.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.309.018.062	66.772.175.566
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	77.658.518.072	55.778.379.435
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	6.880.580.020	473.748.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.769.919.970	10.520.048.133
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		490.131.477.542	573.917.640.748
1. Hàng tồn kho	141	V.5	501.677.218.706	573.917.640.748
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(11.545.741.164)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.054.866.593	23.372.400.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	745.586.677	453.150.008
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.437.561.050	10.437.237.110
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	4.729.123.723	12.452.013.384
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	142.595.143	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		243.960.163.286	263.247.924.883
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		241.114.229.547	260.918.580.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	198.514.530.728	217.495.228.587
<i>Nguyên giá</i>	222		437.723.825.718	436.102.395.546
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(239.209.294.990)	(218.607.166.959)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	25.468.025.618	26.427.525.203
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	33.490.882.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.022.856.520)	(7.063.356.935)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	17.131.673.201	16.995.827.125
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.824.000.000	1.248.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	-	(576.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.021.933.739	1.081.343.968
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	1.021.933.739	1.081.343.968
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		939.422.302.723	1.031.007.707.532

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		584.911.556.923	678.798.983.677
I. Nợ ngắn hạn	310		584.911.556.923	645.675.866.316
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	214.912.879.071	272.831.857.473
2. Phải trả người bán	312	V.17	315.218.906.946	318.835.838.399
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	2.481.700.082	1.582.745.337
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	4.185.087.787	15.771.360.283
5. Phải trả người lao động	315	V.20	25.264.849.172	14.126.028.846
6. Chi phí phải trả	316	V.21	14.792.158.974	3.041.801.646
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	3.075.738.572	14.850.335.734
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	4.980.236.319	4.635.898.598
II. Nợ dài hạn	330		-	33.123.117.361
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	-	32.958.217.648
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	164.899.713
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		354.510.745.800	352.208.723.855
I. Vốn chủ sở hữu	410		354.510.745.800	352.208.723.855
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	104.666.248.867	101.227.265.504
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	8.102.230.959	8.102.230.959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	8.835.998.225	7.116.506.544
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	43.104.267.749	45.960.720.848
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		939.422.302.723	1.031.007.707.532

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	1.657.147.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		23.131,20	1.002.028,37
Euro (EUR)		1,22	1,22
...			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2012

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối kỳ này Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.880.297.025	15.108.410.027
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,11	22.152.217.740	21.322.561.546
- Các khoản dự phòng	03	V.6,14	10.969.741.164	364.800.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 8	(1.051.134.366)	(1.535.219.758)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.457.487.166	31.642.145.691
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		90.408.608.729	66.902.697.506
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.943.538.585)	(15.948.973.311)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	72.240.422.042	(56.592.576.915)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.186.675.105)	(77.663.171.409)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	(292.436.669)	(217.109.419)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21, VI.4	(15.307.215.147)	(32.103.558.159)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(1.708.163.509)	(2.870.881.814)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.23	(1.375.153.960)	(5.164.918.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.835.847.796	(123.657.191.872)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,11,12	(2.452.745.050)	(25.834.792.977)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	493.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	1.172.679.711	1.106.145.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.280.065.339)	(24.234.920.198)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	1.301.299.760.049	1.649.103.914.102
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16,23	(1.392.176.956.099)	(1.542.954.285.664)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(30.409.375.000)	(37.960.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(121.286.571.050)	68.189.228.438
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.269.211.407	(79.702.883.632)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	103.697.565.833	122.472.958.201
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	107.966.777.240	42.770.074.569

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2012

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 Công ty có 758 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 800 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng nhưng hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập	Mức trích lập tối đa
		từ lợi nhuận sau thuế	
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	-
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/09/2012 : 20.828 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.898.931.428	1.607.942.239
Tiền gửi ngân hàng	42.567.845.812	49.089.623.594
Các khoản tương đương tiền	63.500.000.000	53.000.000.000
(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		
Cộng	<u>107.966.777.240</u>	<u>103.697.565.833</u>

2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước hoạt động xây dựng cơ bản	72.159.000	10.000.000
Ứng trước hoạt động sản xuất kinh doanh	6.808.421.020	463.748.000
Cộng	<u>6.880.580.020</u>	<u>473.748.000</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	16.666.667
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	635.312.678	635.312.678

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.134.607.292	9.868.068.788
Cộng	4.769.919.970	10.520.048.133

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	312.729.092.551	344.163.455.201
Công cụ, dụng cụ	606.647.734	370.181.663
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	62.734.743.940	55.424.871.107
Thành phẩm	124.863.668.348	172.493.095.243
Hàng hóa	743.066.133	1.466.037.534
Cộng	501.677.218.706	573.917.640.748

Một phần hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với giá trị không dưới 4.500.000 USD (xem thuyết minh số V.16)

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho dầu nguyên liệu..

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	(11.545.741.164)	-
Số cuối kỳ	(11.545.741.164)	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	453.150.008	138.364.999
Chi phí phát sinh trong kỳ	2.082.034.867	638.767.084
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.789.598.198)	(421.657.665)
Số cuối kỳ	745.586.677	355.474.418

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	154.406.080.864	272.066.108.516	6.898.535.435	2.731.670.731	436.102.395.546
Tăng trong kỳ	1.057.533.144	1.162.594.032		96.771.798	2.316.898.974
Mua sắm mới		284.867.112		96.771.798	381.638.910
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.057.533.144	877.726.920			1.935.260.064
Giảm do thanh lý trong kỳ	(74.097.800)	(594.202.822)		(27.168.180)	(695.468.802)
Số cuối kỳ	155.389.516.208	272.634.499.726	6.898.535.435	2.801.274.349	437.723.825.718
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.428.444.165	56.647.416.556	1.689.479.468	2.588.481.243	85.353.821.432
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	54.983.496.799	156.817.801.885	4.159.440.262	2.646.428.013	218.607.166.959
Khấu hao trong kỳ	7.726.969.421	12.910.671.500	518.435.079	36.642.155	21.192.718.155
Giảm do thanh lý trong kỳ	(74.097.800)	(489.324.144)		(27.168.180)	(590.590.124)
Số cuối kỳ	62.636.368.420	169.239.149.241	4.677.875.341	2.655.901.988	239.209.294.990
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	99.422.584.065	115.248.306.631	2.739.095.173	85.242.718	217.495.228.587
Số cuối kỳ	92.753.147.788	103.395.350.485	2.220.660.094	145.372.361	198.514.530.728
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
Số cuối kỳ	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.850.723.093	520.000.000	2.378.723.093
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.543.356.935	520.000.000	7.063.356.935
Khấu hao trong kỳ	959.499.585	-	959.499.585
Số cuối kỳ	7.502.856.520	520.000.000	8.022.856.520
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	26.427.525.203	-	26.427.525.203
Số cuối kỳ	25.468.025.618	-	25.468.025.618
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án đầu tư dây chuyền 5.000 chai/giờ	11.563.451.666	11.276.393.489
Dự án di dời xây lắp nhà xưởng 60 T	3.629.506.524	3.629.506.524

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công trình khác	1.938.715.011	2.089.927.112
Cộng	17.131.673.201	16.995.827.125

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	576.000.000	96.000.000
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	384.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(576.000.000)	(19.200.000)
Số cuối kỳ	-	460.800.000

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.081.343.968	1.200.164.425
Hoàn nhập trong kỳ	(59.410.229)	-
Số cuối kỳ	1.021.933.739	1.200.164.425

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng	214.912.879.071	251.155.057.473
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	-	135.980.824.477
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	76.256.663.077	115.174.232.996
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC(Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	85.280.918.986	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) ^(iv)	53.375.297.008	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	21.676.800.000
Cộng	214.912.879.071	272.831.857.473

⁽ⁱ⁾ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11313001/HĐTDHM ngày 05 tháng 01 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VND
- Thời gian vay : không vượt quá 6 tháng cho mỗi lần nhận nợ vay
- Lãi suất vay : bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh +

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- biên độ 3%/năm, nhưng không được thấp hơn sản lãi suất cho vay VND theo phương thức cho vay thỏa thuận của Ngân hàng trong từng thời kỳ
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp
- (ii) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2011/0000761 ngày 28 tháng 7 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 300.000.000.000 VND
 - Thời gian vay : 1 năm
 - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - Tài sản đảm bảo : Thế chấp dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 150 tấn/ngày và dây chuyền thiết bị chiết dầu chai nhựa tự động cho chai 05 lít, 1 lít, 0,4 lít, 0,2 lít.
- (iii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận sửa đổi số HBVN070218 ngày 04 tháng 4 năm 2012 và Bản điều chỉnh VNM07120805 ngày 28 tháng 4 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 5.800.000 USD
 - Thời gian vay : 3 năm
 - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho nhưng phải đảm bảo giá trị tồn kho không dưới 4.500.000 USD
- (iv) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 23 tháng 7 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 3.000.000 USD
 - Thời gian vay : 1 năm (đến 20/07/13)
 - Lãi suất vay : Được xác định cho từng khoản vay theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho nhưng phải đảm bảo giá trị tồn kho tối thiểu tương ứng 130% giá trị hạn mức tiện ích.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	251.155.057.473	21.676.800.000	272.831.857.473
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.301.299.760.049		1.301.299.760.049
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.337.541.938.451)	(21.676.800.000)	(1.359.218.738.451)
Số cuối kỳ	<u>214.912.879.071</u>	<u>-</u>	<u>214.912.879.071</u>

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV	287.394.794.236	249.584.016.938

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	523.982.193	270.750.920
Các nhà cung cấp khác	27.300.130.517	68.981.070.541
Cộng	<u>315.218.906.946</u>	<u>318.835.838.399</u>

18. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	823.963.164	16.578.171.576	(17.402.134.740)	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.868.068.788	57.465.801.568	(63.199.263.064)	4.134.607.292
Thuế xuất, nhập khẩu	4.521.625.816	516.648.227	(5.038.274.043)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.452.013.384)	9.431.053.170	(1.708.163.509)	(4.729.123.723)
Thuế thu nhập cá nhân	557.552.515	2.925.104.662	(3.432.326.682)	50.330.495
Tiền thuê đất	-	641.350.621	(641.350.621)	-
Thuế tài nguyên	150.000	1.350.000	(1.350.000)	150.000
Thuế khác	-	1.182.000.000	(1.182.000.000)	-
Cộng	<u>3.319.346.899</u>	<u>88.741.479.824</u>	<u>(92.604.862.659)</u>	<u>(544.035.936)</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại điểm 6, phần I, Thông tư số 130/2008/TT- BCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, phần thu nhập tăng thêm do đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

Năm 2010 và 2011, khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Công ty xác định phần thu nhập tăng thêm được miễn giảm thuế căn cứ vào giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, theo Công văn số 3379/CT-TTHT ngày 14 tháng 5 năm 2012 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, Công ty đã tạm xác định phần thu nhập tăng thêm được giảm thuế căn cứ vào giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho 9 tháng đầu năm 2012. Nếu xác định thuế thu nhập phải nộp căn cứ vào nguyên giá tài sản đầu tư mới đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, số thuế thu nhập phải nộp bổ sung cho năm 2010 và 2011 ước tính khoảng 4.500.000.000 VND.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	-	849.727.981
Chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả	14.792.158.974	2.192.073.665
Cộng	<u>14.792.158.974</u>	<u>3.041.801.646</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	343.799.002	1.434.798.351
Kinh phí công đoàn	1.522.878.295	1.018.082.420
Cổ tức phải trả	42.995.000	84.050.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.119.640.000	204.000.000
Các khoản phải trả khác	46.426.275	12.109.404.963
<i>Trong đó, chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả</i>	-	<i>12.057.374.285</i>
Cộng	<u>3.075.738.572</u>	<u>14.850.335.734</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2.299.530.962	1.146.327.788	(654.900.000)	2.790.958.750
Quỹ phúc lợi	2.336.367.636	573.163.893	(720.253.960)	2.189.277.569
Cộng	<u>4.635.898.598</u>	<u>1.719.491.681</u>	<u>(1.375.153.960)</u>	<u>4.980.236.319</u>

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 01/2005/93451/HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2005 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 24 tháng + 2%/năm.	-	29.855.817.648
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 310/2010/0000925 ngày 19 tháng 7 năm 2010 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,4%/năm.	-	3.102.400.000
Cộng	<u>-</u>	<u>32.958.217.648</u>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	32.958.217.648	54.007.817.648
Số tiền vay thanh toán trong kỳ	(32.958.217.648)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số cuối kỳ	-	54.007.817.648
------------	---	-----------------------

25. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông là 30.409.375.000 VND (kỳ trước là 37.960.400.000 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.020.830.744.552	1.199.456.288.196
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.417.286.558	3.147.259.063
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.018.413.457.994	1.196.309.029.133
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.128.979.870)	(1.611.447.590)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(7.606.060.760)	(1.452.276.840)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(522.919.110)	(159.170.750)
Doanh thu thuần	1.012.701.764.682	1.197.844.840.606
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	2.417.286.558	3.147.259.063
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	1.010.284.478.124	1.194.697.581.543

2. **Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	2.652.767.361	2.327.233.227
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	928.647.051.681	1.138.737.756.834
Cộng	<u>931.299.819.042</u>	<u>1.141.064.990.061</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	212.128.405	274.323.009
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.405.089	1.874.486.068
Cộng	<u>236.533.494</u>	<u>2.148.809.077</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.786.262.773	5.405.768.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(103.671.895)	1.033.479.482
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(19.200.000)
Chi phí tài chính khác	-	299.788.290
Cộng	<u>2.682.590.878</u>	<u>6.719.836.586</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.605.614.015	8.968.599.274
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	313.991.546	143.053.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.768.251	81.382.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.836.539.919	9.265.836.778
Chi phí khác	46.048.311.864	25.206.060.831
Cộng	<u>57.971.225.595</u>	<u>43.664.933.571</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.196.209.971	5.764.919.196
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.047.370	220.195.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.133.624	182.958.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.009.119.481	1.410.967.860
Chi phí khác	3.628.427.574	981.249.561
Cộng	<u>10.250.938.020</u>	<u>8.560.291.175</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bồi thường bảo hiểm hàng nhập khẩu	254.561.264	618.680.584
Thu nhập khác	671.381.164	8.941.350
Cộng	<u>925.942.428</u>	<u>627.621.934</u>
8. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý		
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.651.881.661	596.296.831
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		(931.854.778)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(303.031.070)	1.021.854.778
Thu nhập chịu thuế	11.348.850.591	686.296.831
Thu nhập được miễn thuế	288.000.000	-
Thu nhập tính thuế	11.363.881.661	686.296.831
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông	2.840.970.415	171.574.208
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng	(348.827.819)	(54.061.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.492.142.596	117.512.943

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.159.739.065	478.783.888
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.159.739.065	478.783.888
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	483	25

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.081.509.590.978	1.455.288.817.039
Chi phí nhân công	24.279.667.787	26.867.770.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.397.399.043	7.184.691.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.838.734.515	24.072.975.800
Chi phí khác	49.676.739.438	28.554.219.681
Cộng	1.182.702.131.761	1.541.968.474.607

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình	Công ty mẹ Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Trích ly dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần thương mại dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV		
Bán thành phẩm	-	-
Mua nguyên liệu	(601.599.092.500)	(672.685.206.640)
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Mua nguyên liệu, bao bì, gia công phải trả	(1.247.651.933)	(2.428.010.406)
Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	194.200.000	4.320.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV		
Mua nguyên liệu	287.394.794.236	249.584.016.938
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	523.982.193	270.750.920
Cộng nợ phải trả	287.918.776.429	249.854.767.858

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất tại Nhà máy dầu Tường An (Tân Bình) và Nhà máy dầu Vinh (Nghệ An) dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đất ở Nhà máy dầu Tường An có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2046, hợp đồng thuê đất ở Nhà máy Vinh có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2032 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất được thanh toán theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

3. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10 và V.16).

Ngoài ra, Công ty còn thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với giá trị không dưới 4.500.000 USD.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2012.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty chỉ cấp tín dụng cho khách hàng sau khi đã kiểm tra khả năng thanh toán của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu khách hàng phải có giấy bảo lãnh của ngân hàng (trừ việc chấp nhận tín chấp cho một số khách hàng có uy tín như các công ty và các siêu thị). Trong công tác quản lý công nợ, kế toán thanh toán luôn theo dõi và thông báo cho các khách hàng các khoản nợ đến hạn theo định kỳ và hợp đồng đã ký kết. Trên cơ sở này và khoản phải thu liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ báo cáo Quý 3 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường và đàm phán với các Ngân hàng để có được các lãi suất có lợi nhất cho các khoản vay.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2012



Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG ANĐịa chỉ: 48/5 Phan Huy Ich, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quy đầu tư phát triển	Quy dự phòng tài chính	Quy khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	98.704.076.433	8.102.230.959	5.854.912.009	67.244.882.145	369.708.101.546
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	25.231.890.705	25.231.890.705
Trích lập các quỹ năm trước	-	2.523.189.071	-	1.261.594.535	(6.799.652.002)	(3.014.868.396)
Chi thường xuyên lý, điều hành	-	-	-	-	(1.756.000.000,00)	(1.756.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(37.960.400.000)	(37.960.400.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	101.227.265.504	8.102.230.959	7.116.506.544	45.960.720.848	352.208.723.855
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	101.227.265.504	8.102.230.959	7.116.506.544	45.960.720.848	352.208.723.855
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	34.389.833.626	34.389.833.626
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	3.438.983.363	-	1.719.491.681	(6.877.966.725)	(1.719.491.681)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Số dư cuối năm nay	189.802.000.000	104.666.248.867	8.102.230.959	8.835.998.225	43.104.267.749	354.510.745.800

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2012


Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởngHà Bình Sơn
Tổng Giám đốc